

Vận dụng học tập kết nối vào dạy học tin học cho sinh viên Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

Nguyễn Ngọc Lan

Trường ĐH Nông Lâm, ĐH Thái Nguyên

Received: 16/04/2024; Accepted: 26/04/2024; Published: 15/5/2024

Abstract: The article presents an overview of connected learning and the current situation of applying connected learning in teaching informatics for students at the Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry. The teaching process has not paid enough attention to the learners' preferences and the exploration of external support relationships outside the school during the students' learning process... The article proposes some suggestions to support lecturers in effectively applying connected learning in teaching informatics.

Keywords: Teaching methods, informatics, connected learning

1. Đặt vấn đề

Với mục tiêu đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với môi trường số hóa và xu hướng giáo dục chung của thế giới. Tại Việt Nam, thời gian qua đã xuất hiện các nghiên cứu quan tâm đến “kết nối” trong học tập và nhiều hoạt động khuyến khích thực hiện kết nối trong giảng dạy. Tuy nhiên, các nghiên cứu và hoạt động áp dụng này thường tập trung vào việc kết nối sách giáo khoa, bài giảng với các nguồn học liệu khác dựa trên các phương tiện kỹ thuật số hiện đại. Phương pháp học tập kết nối vẫn là một cách tiếp cận khá mới mẻ trong giảng dạy.

Tại trường Đại học (ĐH) Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên, Học tập kết nối đã được nhiều GV quan tâm và áp dụng trong giảng dạy Tin học. Tuy nhiên, để việc thực hiện mang lại hiệu quả cao đòi hỏi GV phải có những nhận thức đúng đắn về Học tập kết nối và có những giải pháp phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, trình độ của người học,... Khai thác hiệu quả nguồn học liệu và môi trường học tập bên ngoài trường học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng vận dụng học tập kết nối vào dạy học Tin học cho sinh viên trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên

2.2.1. Học phần Tin học trong chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên

Trong chương trình đào tạo, Tin học đại cương là học phần bắt buộc đối với tất cả SV của nhà trường. Ngoài ra, tùy theo chuyên ngành đào tạo, SV được học một số học phần Tin học chuyên ngành chuyên sâu khác nhau.

2.2.2. Kết quả khảo sát

Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn, khảo sát đối

với 10 GV giảng dạy các học phần Tin học tại Trường ĐH Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên, trong đó có 2 GV giảng dạy Tin học đại cương và 8 GV giảng dạy Tin học chuyên ngành. Số lượng khảo sát SV (SV) là 279 SV đối với SV tất cả các ngành học từ năm nhất đến năm thứ năm.

Nhận thức về học tập kết nối

100% GV và SV đánh giá chất lượng (CL) là rất quan trọng và phù hợp với xu hướng phát triển chung của khoa học công nghệ và xu hướng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

70% GV cho rằng CL là một phương pháp giảng dạy tích cực mà thầy và trò sử dụng các công cụ kết nối (trực tuyến) dựa trên nền tảng công nghệ thông tin để tổ chức/hỗ trợ cho việc dạy và học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

30% GV khác thì cho rằng đây là một phương thức dạy học hoặc hình thức dạy học hay một kiểu học tập. Tuy nhiên, các GV này cũng mô tả CL gắn với việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, SV được kết nối với nhau dưới sự hướng dẫn của GV để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Các GV mô tả quá trình giảng dạy vận dụng CL tập trung chủ yếu vào 4 điểm sau:

+ Có sự kết nối bài học với cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp;

+ có sự kết nối giữa người học với thầy cô, bạn bè trong quá trình học;

+ Có sự kết nối với các học liệu học tập điện tử;

+ Có việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và kết nối mạng Internet trong dạy và học.

Trên 90% SV được phỏng vấn mô tả CL là hình thức học tập mà GV sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để chia sẻ tài liệu học tập và tạo môi trường

kết nối, tương tác cho SV với GV và bạn bè trong lớp trong quá trình học tập.

Như vậy, nhận thức về CL của GV và SV chủ yếu theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và kết nối học liệu học tập. Quá trình giảng dạy chưa chú trọng đến sở thích của người học và khai thác các mối quan hệ hỗ trợ bên ngoài trường học trong quá trình học tập của SV... Đặc biệt, chưa có yêu cầu về các thiết kế, trải nghiệm, sáng tạo các sản phẩm.

Cách thức triển khai Học tập kết nối

GV có triển khai các hoạt động kết nối cho SV. Tuy nhiên, chưa thường xuyên và chưa tuân theo một quy trình thực hiện cụ thể khi vận dụng CL trong giảng dạy.

Đa số GV mô tả đều tập trung vào việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, tạo môi trường tương tác cho SV với phạm vi lớp học, cụ thể:

GV xây dựng các chủ đề học tập, bài tập lớn cho SV gắn với thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

GV thường xuyên sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học như: Sử dụng các ứng dụng quản lý học tập (MS Teams, Edmodo,...), các ứng dụng trực tuyến (Zalo, mail,...),... để tạo môi trường kết nối thường xuyên giữa GV với SV và SV trong lớp với nhau.

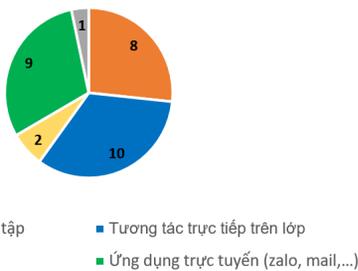
GV hướng dẫn SV tổ chức hoạt động nhóm, thảo luận, thiết kế sản phẩm và báo cáo kết quả.

GV khuyến khích SV sử dụng các công cụ tìm kiếm, chia sẻ tài liệu học tập, trình bày quan điểm cá nhân, trao đổi và hỗ trợ nhau trong quá trình học tập

GV tích cực giám sát, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc cho SV.

- Một số hình thức kết nối mà GV sử dụng trong giảng dạy

TỈ LỆ GV SỬ DỤNG CÁC HÌNH THỨC KẾT NỐI



Biểu đồ 2.1. Tỉ lệ GV sử dụng các hình thức kết nối trong CL

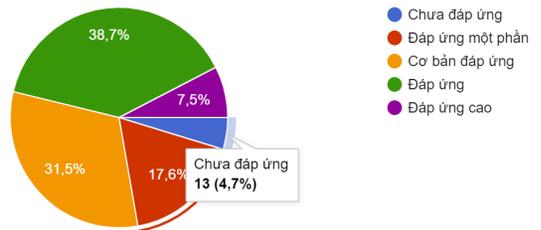
Hoạt động kết nối chủ yếu diễn ra trên lớp, qua ứng dụng mail, zalo và qua ứng dụng học tập. Hoạt

động kết nối từ các cộng đồng học tập và đối tượng ngoài trường học chưa được quan tâm trong giảng dạy.

- Trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông

SV có các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại (máy tính, điện thoại, ipad,...) để tham gia CL chiếm tỉ lệ cao (81%).

Kết quả đánh giá từ GV và SV về mức độ đáp ứng về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT và truyền thông của nhà trường phục vụ cho CL thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.2. Kết quả đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT và truyền thông của trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên.

Từ số liệu trên cho thấy, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT và truyền thông của nhà trường đủ điều kiện để triển khai CL trong giai đoạn hiện nay.

- Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo

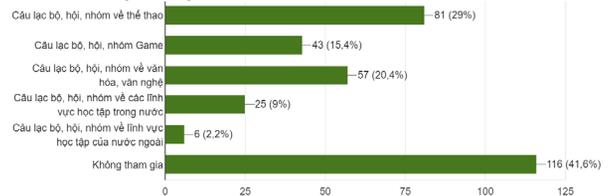
SV sử dụng tài liệu bản cứng (62,4%). Ngoài ra, nguồn tài liệu học tập, tài liệu tham khảo từ thầy cô chia sẻ (71,7%), từ mạng internet (23,7%), từ thư viện (4,6%).

Có thể thấy SV còn thụ động trong tìm kiếm tài liệu học tập, kỹ năng tìm kiếm tài liệu điện tử từ thư viện hoặc Internet còn hạn chế.

- GV, SV tham gia hội, nhóm, cộng đồng học tập

Kết quả phỏng vấn GV cho thấy, GV đánh giá cao lợi ích của một số hội, nhóm, cộng đồng học tập. GV có giới thiệu, khuyến khích SV tham gia các nhóm, hội, cộng đồng học tập để trải nghiệm và học hỏi thêm ngoài giờ học trên lớp. Tuy nhiên, cộng đồng học tập trực tuyến chỉ 2/10 thầy cô tham gia.

TỈ LỆ SV THAM GIA HỘI, NHÓM, CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP



Biểu đồ 2.3. Tỉ lệ SV tham gia Hội, Nhóm, Cộng đồng học tập

SV không tham gia vào các câu lạc bộ, hội, nhóm trong trường hoặc ngoài trường chiếm tỉ lệ cao (41,6%), hầu hết các em chỉ tham gia về lĩnh vực văn nghệ (20,4%), thể thao (29%), game (15,4%), số SV tham gia về lĩnh vực học tập trong nước và nước ngoài rất hạn chế, chỉ chiếm (11,2%). Như vậy, SV chưa có nhiều cơ hội kết nối bên ngoài lớp học và trải nghiệm, học hỏi về lĩnh vực học tập từ cộng đồng, xã hội.

- **Hiệu quả áp dụng Học tập kết nối trong dạy học Tin học:**

+ CL mang lại môi trường kết nối thuận tiện giúp GV dễ dàng chia sẻ tài liệu học tập, kinh nghiệm nghiên cứu, trải nghiệm cho SV.

+ CL tạo sự kết nối thường xuyên giữa GV và SV. Từ đó, GV giám sát, định hướng và hỗ trợ tốt cho SV trong quá trình học tập trên lớp và ở nhà.

+ SV có cơ hội thể hiện bản thân, học hỏi và trải nghiệm,... qua các hoạt động học tập kết nối vì vậy SV tự tin và hứng thú học tập hơn

+ CL hình thành cho SV thói quen chủ động tìm kiếm, khai thác nguồn tài nguyên trên mạng Internet và các tài liệu học tập điện tử để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ CL nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và làm việc trực tuyến của SV

Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn có những khó khăn như:

Thời lượng học tập ngắn không đủ để thực hiện nhiều hoạt động kết nối

Một số SV vùng dân tộc thiểu số và SV nước ngoài sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt còn hạn chế, SV ngại tương tác và chia sẻ quan điểm cá nhân. GV.

Một số SV còn thụ động chưa tích cực học tập dẫn tới các hoạt động kết nối chưa thực sự hiệu quả

2.2.3. Một số đề xuất

Từ kết quả phỏng vấn và khảo sát đã trình bày ở trên, chúng tôi thấy rằng vận dụng CL vào dạy học Tin học cho SV tại trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên là một cách tiếp cận dạy học mới trong giai đoạn số hóa hiện nay. Tuy nhiên, phương thức học tập này được các GV khai thác và triển khai chủ yếu theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và kết nối học liệu học tập. Hoạt động kết nối thường diễn ra trên lớp hoặc qua các ứng dụng học tập trong phạm vi lớp học. Hiện tại chưa có một quy trình hay khung hướng dẫn cụ thể cho GV áp dụng. Môi trường học tập bên ngoài trường học chưa được GV khai thác.

Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát và kinh

nghiệm giảng dạy, Chúng tôi đưa ra một số đề xuất hỗ trợ GV vận dụng hiệu quả CL trong giảng dạy Tin học như sau:

- GV cần thiết kế bài học theo hướng kết nối, có thể lồng ghép bài học với sở thích cá nhân của người học, tạo nhiều cơ hội cho người học chủ động khám phá, kiến tạo kiến thức mới,... một số phương pháp giảng dạy tích cực có thể áp dụng như: dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược, dạy học kết hợp,...

- GV có thể tạo lập các hội nhóm kết nối với đa dạng thành viên như GV cùng giảng dạy học phần, các chuyên gia trong lĩnh vực, cựu SV, nhà tuyển dụng,... hoặc chia sẻ các cộng đồng học tập liên quan cho SV được kết nối, tham gia trải nghiệm và hỗ trợ khi cần thiết.

- GV nên khuyến khích SV chủ động tìm kiếm các học liệu điện tử, tham gia kết nối với các cộng đồng học tập liên quan trong và ngoài nước; tích cực học tập, chia sẻ quan điểm cá nhân với thầy cô, bạn bè về bài học hoặc lĩnh vực nghiên cứu.

- GV cần tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm cho SV thông qua các bài tập lớn, khuyến khích SV sử dụng các phương tiện công nghệ hiện đại trong kết nối, trình bày và kiến tạo sản phẩm.

- GV cần điều chỉnh hình thức đánh giá theo hướng đánh giá quá trình để phù hợp với phương thức CL.

3. Kết luận

Các phương tiện kỹ thuật số và trực tuyến ngày nay đòi hỏi một cách tiếp cận học tập gắn liền với một thế giới được nối mạng và kết nối với nhau. Học tập kết nối là một giải pháp rất phù hợp theo cách tiếp cận này. Với những kết quả thu được, nghiên cứu này là cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về Học tập kết nối. Từ đó, làm rõ và xây dựng những giải pháp, quy trình triển khai cụ thể giúp cho GV vận dụng hiệu quả Học tập kết nối trong giảng dạy Tin học và các học phần khác.

Tài liệu tham khảo

[1] M. A. Lundeberg and S. D. Moch, "Influence of Social Interaction on Cognition: Connected Learning in Science," *The Journal of Higher Education*, vol. 66, no. 3. p. 312, 1995. doi: 10.2307/2943894.

[2] D. M. DeLuca and D. Education Commission of the States CO., "Profiles in Connecting Learning and Work. State Initiatives.," 1996. [Online]. Available: <http://search.ebscohost.com.proxy-ub.rug.nl/login.aspx?direct=true&db=eric&AN=ED427192&site=ehost-live&scope=site>